

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/KDTM-ST

Ngày: 20-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 159/2025/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S.

Địa chỉ: F, đường T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: E đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn S1.

Địa chỉ: 57/6, Quốc lộ A, ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Văn P, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: 57/6, quốc lộ A, ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Công ty cổ phần S (sau đây gọi là công ty S) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 31/12/2020, công ty S và Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 (sau đây gọi là công ty S1) đã ký hợp đồng dịch vụ giữ hộ hàng số 151/HĐDV-GHH/2021. Sau đó ký

tiếp các phụ kiện hợp đồng số 03/2022/PK ngày 31/12/2021; 04/2022/PK ngày 01/11/2022 và phụ lục số 11/2023/PL ngày 03/01/2023 để gia hạn thời gian hợp đồng và giá trị dịch vụ đến 31/3/2023 để gia hạn hợp đồng và giá trị dịch vụ đến 31/3/2023. Đến ngày 20/3/2023, công ty S1 đã ký hợp đồng dịch vụ giữ hộ hàng hóa số 46/HĐDV-GHH/2023 với công ty S với giá dịch vụ là 25.062.180 (hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi hai ngàn một trăm tám mươi) đồng/tháng và thời gian là từ 01/4/2023 đến 31/12/2023.

Trong quá trình gửi hàng hóa, công ty S1 đã không thanh toán tiền dịch vụ theo như cam kết trong hợp đồng đã ký kết và đã có các văn bản cam kết trả nợ. Về phía công ty S cũng có các văn bản đề nghị công ty S1 thanh toán tiền dịch vụ, chấm dứt hợp đồng dịch vụ. Cho đến nay, công ty S1 vẫn không thanh toán khoản tiền dịch vụ đến ngày 31/12/2023 là 383.595.220 (ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi) đồng cho công ty S.

Vì vậy, công ty S khởi kiện yêu cầu công ty S1 dọn hàng hóa ra khỏi kho trả mặt bằng cho công ty S. Yêu cầu công ty S1 thanh toán tiền thuê dịch vụ tính đến tháng 12/2023 là 383.595.220 (ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi) đồng.

Ngày 17/12/2024, công ty S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu công ty S1 dọn hàng hóa ra khỏi kho trả mặt bằng cho công ty S

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa họp lệ nhưng bị đơn là công ty S1 vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt công ty S1 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định sau: về thẩm quyền thụ lý vụ án; về xác định tư cách tố tụng; về xác minh, thu thập chứng cứ; thủ tục hòa giải; về thời gian gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng; về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Quan hệ tranh chấp giữa Công ty S và công ty S1 là tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là công ty S1 có địa chỉ tại 57/6, quốc lộ A, ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty S yêu cầu công ty S1 phải thanh toán tiền thuê dịch vụ tính đến tháng 12/2023 là 383.595.220 (ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi) đồng; thanh toán 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 31/12/2020, công ty S và công ty S1 đã ký hợp đồng dịch vụ giữ hộ hàng số 151/HĐDV-GHH/2021. Theo đó, công ty S làm dịch vụ gửi giữ cho công ty S1 tại địa chỉ 57/6, ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; số lượng để hàng hóa là 1246 kg; loại hàng hóa là các mặt hàng hóa không thuộc hàng cấm theo quy định. Thời hạn là từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021; giá dịch vụ là 35.635.600 (ba mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm) đồng.

Sau đó ký tiếp các phụ kiện hợp đồng số 03/2022/PK ngày 31/12/2021; 04/2022/PK ngày 01/11/2022 và phụ lục số 11/2023/PL ngày 03/01/2023 để gia hạn thời gian hợp đồng và giá trị dịch vụ đến 31/3/2023 để gia hạn hợp đồng và giá trị dịch vụ đến 31/3/2023.

Ngày 20/3/2023, công ty S và công ty S1 có ký với nhau hợp đồng dịch vụ giữ hộ hàng hóa. Theo đó, công ty S làm dịch vụ gửi giữ cho công ty S1 tại địa chỉ 57/6, ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; số lượng để hàng hóa là 762kg; loại hàng hóa là các mặt hàng hóa không thuộc hàng cấm theo quy định. Thời hạn là từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 31/12/2023; giá dịch vụ là 25.062.180 (hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi hai ngàn một trăm tám mươi) đồng. Điều này cho thấy hợp đồng dịch vụ giữa công ty S và công ty S1 là có thực. Hợp đồng này phù hợp với các quy định tại điều 74 Luật Thương mại 2005.

Trong quá trình gửi hàng hóa, công ty S1 không thanh toán tiền dịch vụ theo như cam kết trong hợp đồng. Điều này thể hiện qua văn bản xin giãn hoãn nợ tiền dịch vụ do dịch bệnh ngày 03/11/2021; văn bản số 017 TS-2023 ngày 27/3/2023 về việc cam kết trả nợ; văn bản số 078TS-2023 ngày 05/6/2023 về việc cam kết trả nợ. Điều này chứng tỏ công ty S1 biết rõ về việc nợ tiền công ty S.

Tính đến ngày 31/12/2023, công ty S1 còn nợ công ty S số tiền 383.595.220 (ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi) đồng; trong đó có 158.035.600 (một trăm năm mươi tám triệu không trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm) đồng đã xuất hóa đơn GTGT theo hợp đồng 151/HĐDV-GHH/2021 ngày 31/12/2020 và phụ lục hợp đồng số 11/2023/PL ngày 03/01/2023 và 225.559.620 (hai trăm hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi) đồng theo hợp đồng số 46/HĐDV-GHH/2023 ngày 20/3/2023

Vì công ty S1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền dịch vụ theo Điều 85 Luật Thương mại 2005, nên công ty S yêu cầu công ty S1 thanh toán tiền gốc ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Công ty S không có yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khoản 4 Điều 91 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần Công ty S1 đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng phía công ty S1 không đến điều này cho thấy Công ty S1 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận lời khai của Công ty S về hợp đồng và việc trả tiền để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Từ những phân tích nêu trên nên chấp nhận yêu cầu của công ty S yêu cầu công ty S1 thanh toán cho công ty S toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 31/12/2023 là 383.595.220 (ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi) đồng; thanh toán 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 74, điều 85 Luật thương mại 2005;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;
- Căn cứ các Điều 8, 9, 10 và 27 cùng các danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Bộ T1 - Hướng dẫn việc xét xử và thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần S.

Xử:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền tính đến ngày 31/12/2023 là 383.595.220 (ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi) đồng; Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty cổ phần S cho đến khi thi hành án xong nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 chưa thi hành thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 19.179.761 (mười chín triệu một trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi một) đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 chịu. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.589.881 (chín triệu năm trăm tám mươi chín ngàn tám trăm tám mươi một) đồng theo biên lai thu số 0047501 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm